

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 335/2022/HS-ST
Ngày 11-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;
2. Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2022 tại Hội trường A, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 320/TLST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2022/QĐXXST-HS ngày 27/10/2022 đối với bị cáo:

Lê Thanh C, sinh năm 1991 tại tỉnh Sóc Trăng; thường trú: Ấp số 1, xã Đ, huyện K, tỉnh S; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1950 và bà Trương Thị H, sinh năm 1953; bị cáo có 05 anh em ruột, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1989; bị cáo chưa có vợ con; bị bắt tạm giam từ ngày 29/6/2022; tiền án, tiền sự: Không. Có mặt.

Người bào chữa: Luật sư Đồng Ngọc V, Văn phòng luật sư Đồng Văn thuộc đoàn luật sư tỉnh B. Có mặt.

- Bị hại: Chị Trần Thị Huyền T, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 4, ấp 3, xã P, huyện T, tỉnh Đ; địa chỉ liên hệ: 243/17 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Lê Thanh N, sinh năm 1986; thường trú: Ấp số 1, xã Đ, huyện K, tỉnh S. Có mặt.

- Người làm chứng:

- + Anh Nguyễn Hoài N; vắng mặt.
- + Anh Lê Chí C; vắng mặt.

+ Anh Hồ Văn D; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 04/01/2011, Lê Thanh C, Nguyễn Hoài N, Lê Chí C, Hồ Văn D cùng với N, C, T (chưa rõ lai lịch) nhậu chung tại quán lẩu “Chí Phèo” trong khu dân cư C thuộc khu phố B, phường B, huyện T (nay là thành phố T), tỉnh B. Lê Thanh C nói cho cả nhóm nghe trước đây làm chung với chị Trần Thị Huyền T, chị T có nhiều tài sản. C rủ cả nhóm chặn đường chị T khi đi làm về, khống chế đưa vào vườn trà thuộc khu phố B, huyện T chiếm đoạt tài sản. D không đồng ý và nói “tụi bây làm gì thì làm tao không biết”. C nói T về lấy thêm xe mô tô để làm phương tiện. C đưa cho C 01 cây roi điện, đưa cho N, C một cây kềm cắt loại nhỏ. N, C mang theo 01 con dao Thái Lan. Khoảng 15 phút sau, T chạy xe mô tô loại WaveS màu xanh (không rõ biển số) đến. Từ khu dân cư Chung Quý, C điều khiển xe cúp 50 màu xanh (không rõ biển số), N chờ C bằng xe của T; N, C đi xe Wave màu đỏ đen (không rõ biển số) của N chạy đến đường M, phường A, T đứng chờ chị T đi làm về. Khi cả nhóm đi khỏi, D đến khách sạn Ngọc Lan thuê phòng ngủ.

Khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, chị T điều khiển xe Wave biển số 61Z3 - 4598 chạy ngang qua. Thấy chị T, C chỉ cho cả nhóm biết, còn C quay về khu dân cư Chung Quý. Từ đường M, N, C, N, C đi 02 xe mô tô chạy theo sau xe chị T. Khi đi đến trước cổng văn hóa khu phố T, phường T, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương, N cho xe chạy vượt lên ép đầu xe chị T, chị T dừng xe lại. N, C cũng chạy đến chặn phía sau. Tại đây, C xuống xe nói với chị T “có người muốn tui bắt chị, chị theo tui đi nói chuyện 01 tí”. Chị T hoảng sợ lấy điện thoại ra định gọi cho người thân nhưng C không cho nên chị T cắt điện thoại vào túi quần. Công kêu chị T lên xe chờ đi nhưng chị T không đồng ý. Lúc này, Công dùng roi điện chích vào người chị T và cùng với N ôm chị T bỏ lên xe mô tô. Nam thò tay vào túi quần chị T lấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 5130c. Sau khi khống chế được chị T lên xe, Nam và Công chở chị T đến khu vực vườn trà thuộc khu phố Bình Phước B, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An (nay là thành phố Thuận An). Chóp chiếm đoạt xe Wave của chị T chạy theo sau. Tại vườn trà, N dùng kềm cắt 14 chiếc vòng ximen bằng vàng 18k của chị T đang đeo trên tay. Chiếm đoạt tài sản xong cả nhóm về lại khu dân cư Chung Quý, N đưa bộ vòng của chị T cho C giữ còn C mang xe của chị T đến phòng trọ của D cất giấu. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, C đến khách sạn N trong khu dân cư Chung Quý đưa cho D cất giữ 13 chiếc vòng ximen bằng vàng. N chở D xuống bến xe Miền Đông. Tại đây, N ngồi uống nước trước cổng bến xe chờ, D đi đến tiệm vàng (không rõ địa chỉ) bán 13 chiếc vòng được 13.500.000 đồng. Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, cả nhóm tập trung tại phòng trọ của D. N nói bán bộ vòng được 13.500.000 đồng trừ chi phí đi đường còn lại 13.000.000 đồng và chia cho N 2.000.000 đồng, C 2.000.000 đồng, C 2.000.000 đồng, C 2.000.000 đồng, T 2.000.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng N giữ. Cả nhóm mỗi người bỏ ra 200.000 đồng (tổng cộng 1.000.000 đồng) đưa cho D. Chiếc vòng còn sót lại, khoảng 01 tuần sau, N và C đến khách sạn N tìm được. Sau đó, C mang đến 01 tiệm vàng (không rõ hiệu) ở khu vực chợ A, thuộc phường A, thành phố T bán được 925.000 đồng và sử dụng số tiền trên cùng đồng phạm ăn nhậu hết.

Ngày 05/01/2011, C điều khiển xe mô tô biển số 61Z3 – 4598 về L tìm nơi tiêu thụ, nhưng không được nên mang về khu dân cư C bán cho 01 thanh niên không rõ lai lịch được 5.000.000 đồng; C lấy ra 500.000 đồng ăn nhậu, số tiền còn lại chia đều cho C, N, C mỗi người 1.500.000 đồng.

Theo biên bản kết luận định giá số 84 ngày 04/5/2011 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An: Vàng 18 Kara (trọng lượng 08 chỉ) trị giá thực tế 18.500.000 đồng, xe mô tô hiệu Wave biển số 61Z3-4598 trị giá 15.000.000 đồng, điện thoại di động Nokia 5130 C trị giá 800.000 đồng; tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 34.300.000 đồng.

Tại cáo trạng số 351/CT-VKS ngày 20 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lê Thanh C về các tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “Bắt người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Lê Thanh C mức án tù từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm b, h, s khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xử phạt bị cáo Lê Thanh C mức án tù từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 09 năm đến 09 năm 06 tháng.

Đối với Nguyễn Hoài N, Lê Chí C, Hồ Văn D đã bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An) xét xử tại bản án số 223/2011/HSST ngày 27/7/2011, đồng thời xử lý vật chứng và giải quyết trách nhiệm dân sự.

Đối với C, N, T (chưa rõ lai lịch) bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý.

Lê Thanh C tác động đến gia đình bồi thường cho bị hại Trần Thị Huyền T số tiền 20.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Đối với xe cúp 50 màu xanh (không rõ biển số), Lê Thanh C sử dụng làm phương tiện phạm tội là do C mượn của người bạn không rõ lai lịch nên không thu hồi được.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt của đại diện Viện kiểm. Về hình phạt Viện kiểm sát đưa ra cũng sát với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhưng hơi cao. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, vì lo sợ nên bị cáo mới bỏ trốn, được sự vận động của gia đình nên bị cáo đầu thú. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Gia đình bên ngoại của bị cáo là gia đình có công với cách mạng. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, cha mẹ già yếu nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tranh luận đối đáp gì. Tại phần lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã bồi thường cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Quá trình điều tra, bị hại, người làm chứng không có ý kiến gì về hành vi tố tụng. Do đó, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 21 giờ 20 phút ngày 04/01/2011, tại khu phố T, phường T, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh B, Lê Thanh C, Nguyễn Hoài N, Lê Chí C, cùng với N, C, T (chưa rõ lai lịch) dùng vũ lực bắt chị Trần Thị Huyền T đi đến nơi vắng người chiếm đoạt tài sản của chị Trần Thị Huyền T gồm 14 chiếc vòng simen bằng Vàng 18 Kara (trọng lượng 08 chỉ), 01 xe mô tô hiệu Wave biển số 61Z3-4598, 01 điện thoại di động Nokia 5130 C; tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt 34.300.000 đồng.

[3] Hành vi trên đây của Lê Thanh C cùng đồng phạm đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội “Bắt người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó, Cáo trạng số 351/CT - VKS ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo Lê Thanh C là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, tính mạng, sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo Lê Thanh C là người đã thành niên nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến vai trò của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

[5] Về vai trò: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không có phân công vai trò cụ thể. Bị cáo là rủ rờ các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo là người chuẩn bị công cụ phạm tội đưa cho các bị cáo khác; là người đem tài sản bị chiếm đoạt đi tiêu thụ.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đối với tội bắt người trái pháp luật thì thêm tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[8] Nhân thân: Gia đình khó khăn, chưa tiền án tiền sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng.

[9] Xét thấy, gia đình bị cáo có cung cấp tài liệu của bà ngoại là bà mẹ Việt Nam anh hùng, ông ngoại là thương binh, bác ruột là thương binh. Tuy nhiên, bị cáo không có công chăm sóc, nuôi dưỡng bà ngoại, ông ngoại và bác nên không được xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[10] Theo điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 168 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là nhẹ hơn so với quy định tại Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Do đó, cần xem xét áp dụng hình phạt theo hướng có lợi cho bị cáo.

[11] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung. Cần tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội theo quy định tại Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[12] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Đã được xem xét giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 223/2011/HSST ngày 27/7/2011 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[13] Bị cáo tác động với gia đình bồi thường cho bị hại chị Trần Thị Huyền T 20.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[14] Đối với C, N, T (chưa rõ lai lịch) bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý.

[15] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp. Lời trình bày của người bào chữa là phù hợp.

[16] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thanh C phạm tội cướp tài sản và bắt người trái pháp luật.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Lê Thanh C 08 (tám) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo Lê Thanh C 01 (một) năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tổng hợp hình phạt của hai tội; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2022.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thanh C phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Công an thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA dân sự thành phố Dĩ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKS nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiền

